

Số: /BC-UBND

Sa Đéc, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành
và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn
thành phố Sa Đéc tháng 01 năm 2024
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/01/2024)**

Nhằm tổng hợp, đánh giá chất lượng hiệu quả các Nhóm chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc báo cáo kết quả thực hiện của các phòng ban, chuyên môn Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tháng 01 năm 2024, với những nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG.

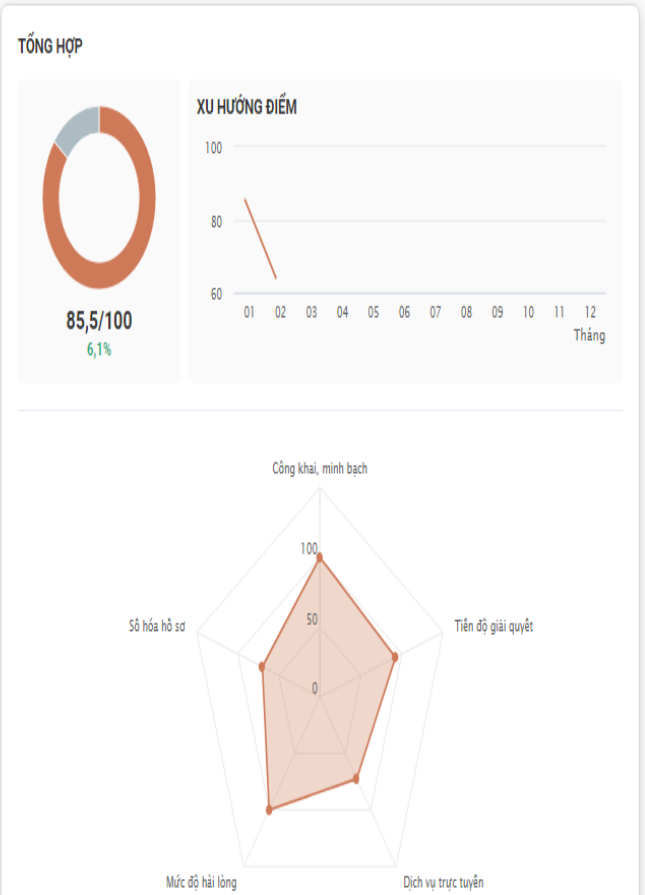
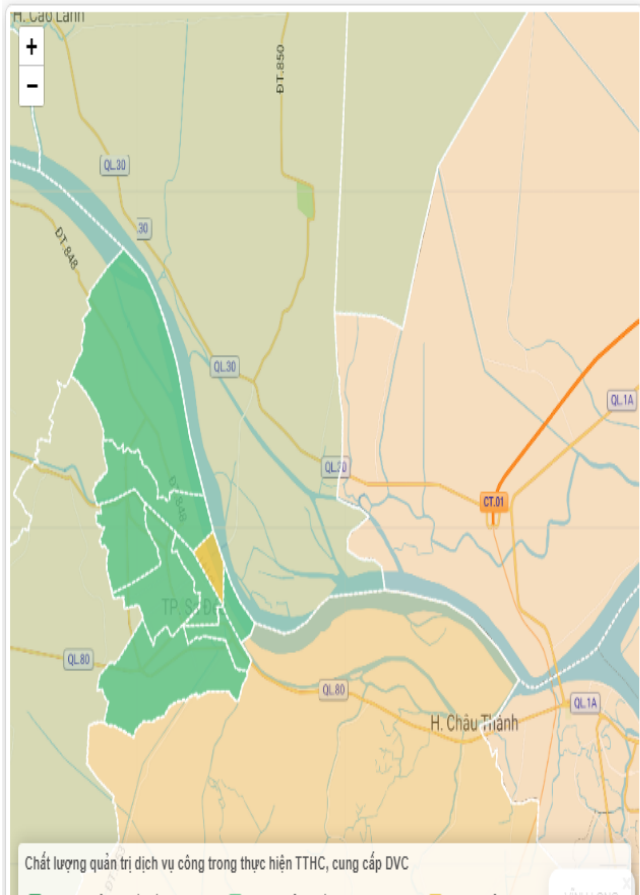
1. Đối với thành phố Sa Đéc.

- Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (Tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>), thành phố Sa Đéc đạt **85,46 / 100 điểm (Tăng 4,48 điểm), xếp loại Tốt, xếp hạng 02 / 12** huyện, thành phố. Bao gồm các nhóm chỉ số: Công khai minh bạch, Tiến độ giải quyết, Dịch vụ công trực tuyến, Thanh toán trực tuyến, Mức độ hài lòng, Số hóa hồ sơ (Thời điểm báo cáo ngày 05 tháng 2 năm 2024).

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

STT	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ
01	Công khai minh bạch	18 điểm	18 điểm	100%
02	Tiến độ giải quyết	20 điểm	18,4 điểm	92,78%
03	Dịch vụ công trực tuyến	12 điểm	7,2 điểm	59,7%
04	Thanh toán trực tuyến	10 điểm	8,4 điểm	63,89%

05	Mức độ hài lòng	18 điểm	18 điểm	100%
06	Số hóa hồ sơ	22 điểm	15,4 điểm	70,1%
Tổng điểm:		100 điểm	Làm tròn 85,4 điểm	



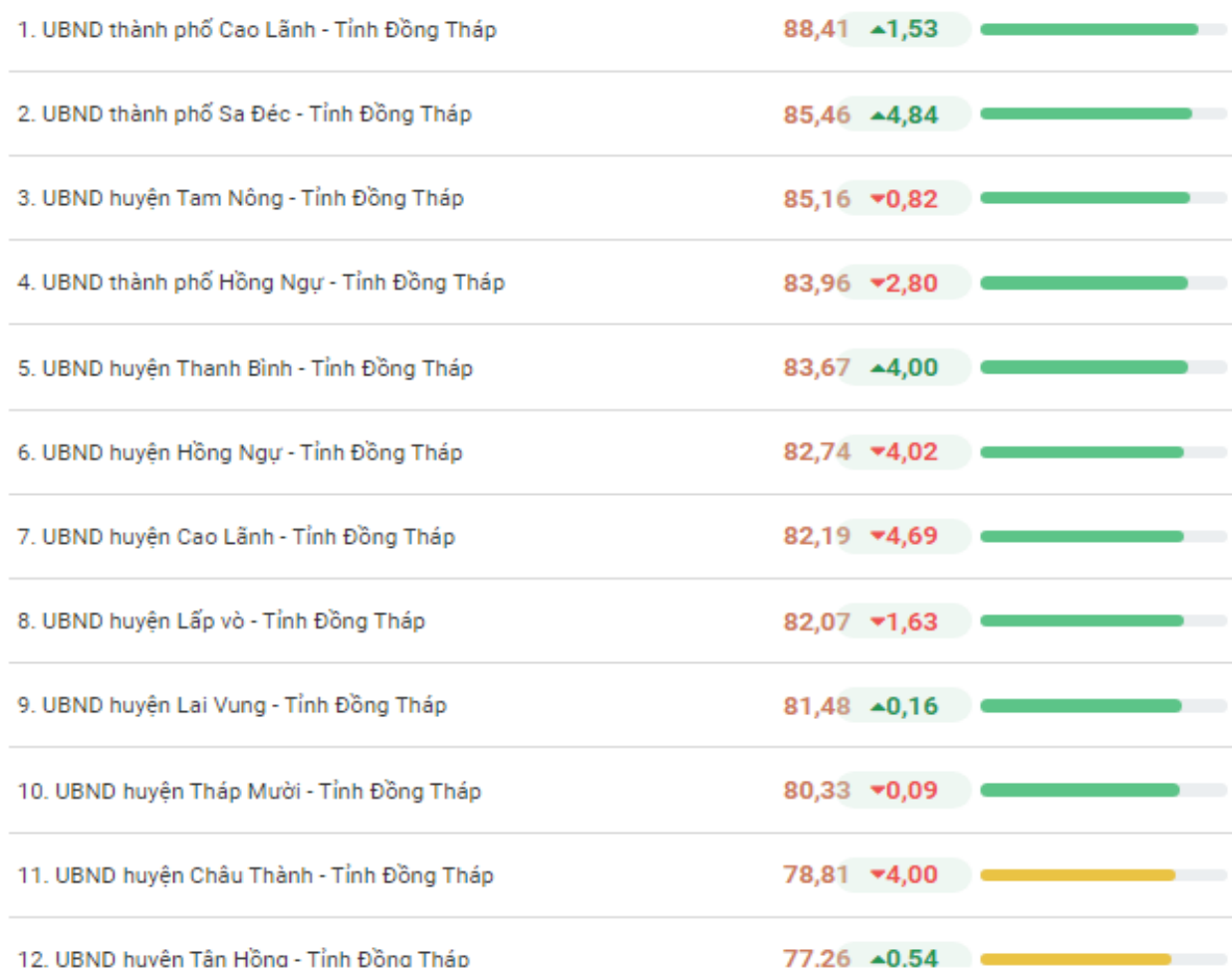
Ảnh: Điểm tổng hợp đánh giá các nhóm Chỉ số của Thành phố

- Phụ lục thực hiện các nhóm Chỉ số giữa các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Điểm đánh giá	Tăng - giảm	Xếp loại
01	UBND thành phố Cao Lãnh	88,41 điểm	Tăng 1,53 điểm	Tốt
02	UBND thành phố Sa Đéc	85,46 điểm	Tăng 4,84 điểm	Tốt
03	UBND huyện Tam Nông	85,16 điểm	Giảm 0,82 điểm	Tốt
04	UBND thành phố Hồng Ngự	83,96 điểm	Giảm 2,80 điểm	Tốt
05	UBND huyện Thanh Bình	83,67 điểm	Tăng 4,00 điểm	Tốt
06	UBND huyện Hồng Ngự	82,74 điểm	Giảm 4,02 điểm	Tốt

07	UBND huyện Cao Lãnh	82,19 điểm	Giảm 4,69 điểm	Tốt
08	UBND huyện Lấp Vò	82,07 điểm	Giảm 1,63 điểm	Tốt
09	UBND huyện Lai Vung	81,48 điểm	Tăng 0,16 điểm	Tốt
10	UBND huyện Tháp Mười	80,33 điểm	Giảm 0,09 điểm	Tốt
11	UBND huyện Châu Thành	78,81 điểm	Giảm 4,00 điểm	Khá
12	UBND huyện Tân Hồng	77,26 điểm	Tăng 0,54 điểm	Khá

XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ



Ảnh: So sánh điểm, thứ hạng giữa các huyện, thành phố

2. Đối với UBND xã, phường.

Điểm số cao nhất là **88,83 / 100** điểm, điểm thấp nhất là **76,34 / 100** điểm. Có **08 / 09** xã, phường xếp loại **Tốt**; có **01 / 09** xã, phường xếp loại **Khá**, cụ thể như sau:

- Phụ lục thực hiện các nhóm Chỉ số giữa các xã, phường¹:

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Tăng - Giảm	Tổng điểm từ nhóm chỉ số						Xếp loại
				Công khai minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ công trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	
01	UBND phường 1	88,83	Giảm 1,06	18 / 18	19,7 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	17,2 / 22	Tốt
02	UBND phường An Hòa	87,42	Tăng 1,17	18 / 18	19,4 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	15,7 / 22	Tốt
03	UBND xã Tân Quy Tây	87,03	Tăng 5,04	18 / 18	18,6 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	16,9 / 22	Tốt
04	UBND xã Tân Khánh Đông	85	Tăng 5,63	18 / 18	18,4 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	15,4 / 22	Tốt
05	UBND phường Tân Quy Đông	84,46	Tăng 8,30	17,7 / 18	19,1 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	14,6 / 22	Tốt
06	UBND phường 2	81,1	Tăng 1,66	14,6 / 18	17,8 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	17,9 / 18	14,6 / 22	Tốt
07	UBND phường 4	81,1	Tăng 8,04	15,2 / 18	19,3 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	14,5 / 22	Tốt
08	UBND xã Tân Phú Đông	80,09	Giảm 4,87	18 / 18	13,9 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	16,6 / 18	15,2 / 22	Tốt
09	UBND phường 3	76,34	Giảm 3,59	11,9 / 18	19,8 / 20	7,2 / 12	8,4 / 10	18 / 18	12,3 / 22	Khá

XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ



Ảnh: So sánh điểm, thứ hạng giữa các xã, phường

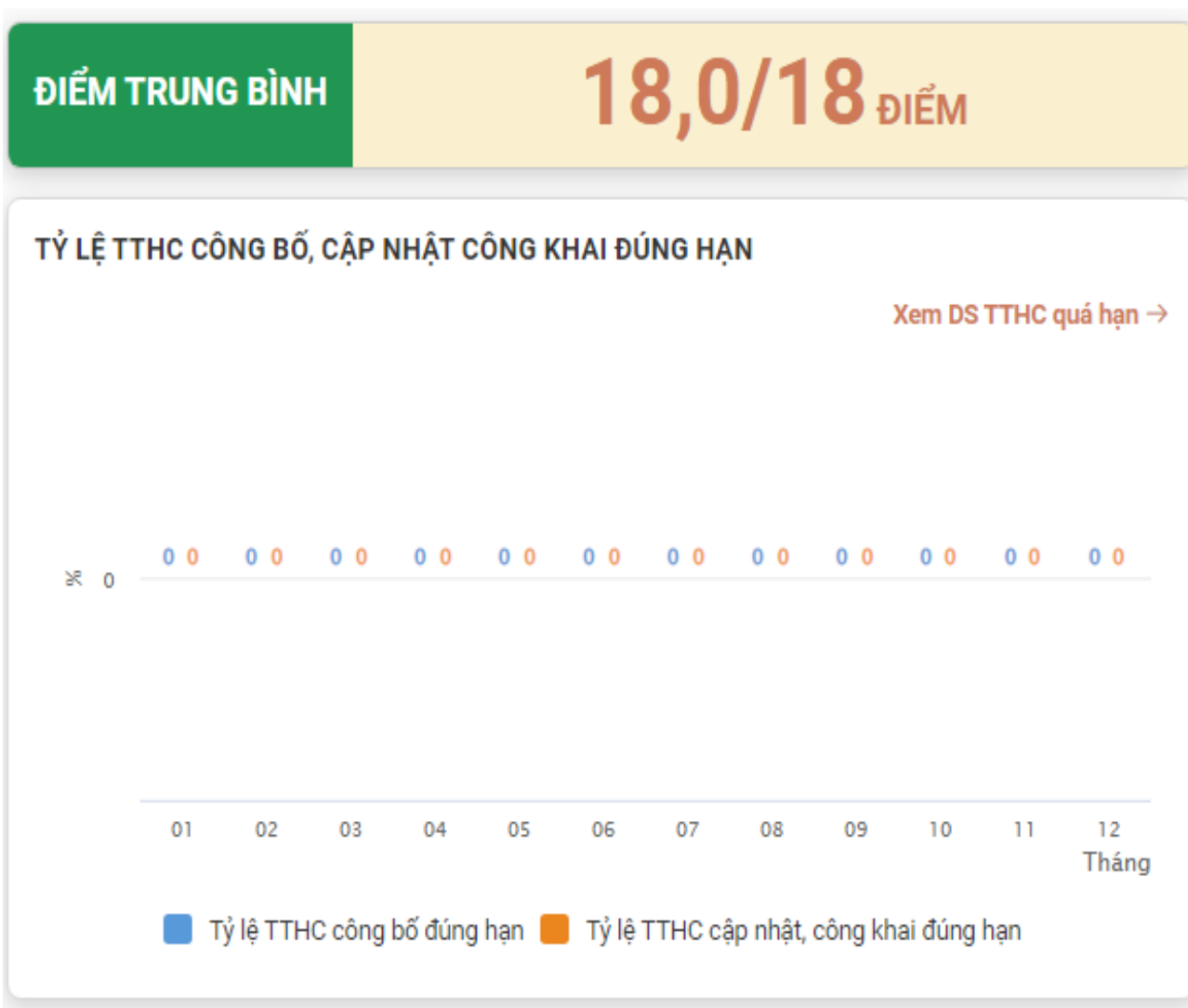
¹ Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến và Thanh toán trực tuyến, số điểm Bản đồ thể chế chấm theo điểm của toàn Thành phố nên các xã, phường số điểm đều bằng nhau nhưng thực tế tỷ lệ phần trăm sẽ chênh lệch ở mức khác nhau. Chính vì thế, tổng điểm các chỉ số của từng xã, phường khi cộng điểm các Chỉ số sẽ bị chênh lệch. Nhưng **tổng số điểm** là đúng thực tế.

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG.

1. Chỉ số Công khai minh bạch gồm:

1.1/ Đối với Thành phố:

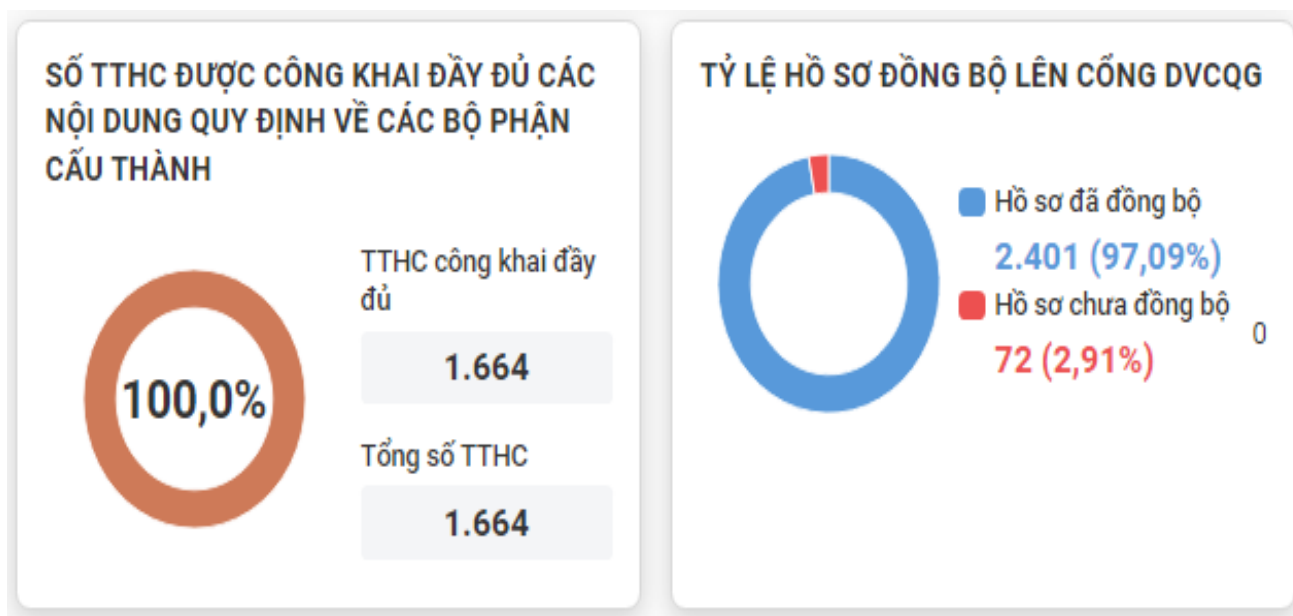
- **Kết quả đối chiếu với Công Dịch vụ công quốc gia.**
- + Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) công bố đúng hạn.
- + Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- + Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận tạo thành TTHC.
- + Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Công Dịch vụ công quốc gia.
- + **Kết quả thể hiện có số điểm là 18 / 18 điểm.**



Ảnh: Điểm công khai minh bạch của toàn Thành phố

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

STT	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ
01	1.664	1.664	2.401 (97,09%)	72 (2,91%)



Ảnh: Thủ tục hành chính được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia

- Phụ lục: Điểm trung bình và tỷ lệ thực hiện của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND thành phố Cao Lãnh	100%	18,0 / 18
02	UBND Thành phố Sa Đéc	100%	18,0 / 18
03	UBND huyện Hồng Ngự	91,9%	16,5 / 18
04	UBND huyện Thanh Bình	90,9%	16,4 / 18
05	UBND huyện Tam Nông	89,9%	16,2 / 18
06	UBND thành phố Hồng Ngự	85,4%	15,4 / 18
07	UBND huyện Lai Vung	81,2%	14,6 / 18

08	UBND huyện Tân Hồng	77,9%	14,0 / 18
09	UBND huyện Tháp Mười	77,6%	14,0 / 18
10	UBND huyện Cao Lãnh	77,6%	14,0 / 18
11	UBND huyện Châu Thành	72,8%	13,1 / 18
12	UBND huyện Lấp Vò	71,8%	12,9 / 18

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC

X



Ảnh: Tỷ lệ giữa các huyện, thành phố.

1.2/ Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
An Hòa	1.664	1.664	305 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
Tân Khánh Đông	1.664	1.664	309 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
Tân Quy Tây	1.664	1.664	172 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ

1.664

Tổng số TTHC

1.664

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ

172

0

Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
Phường 1	1.664	1.664	564 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ

1.664

Tổng số TTHC

1.664

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ

564

0

Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
Tân Phú Đông	1.664	1.664	225 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ

1.664

Tổng số TTHC

1.664

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ
225

Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ
Tân Quy Đông	1.664	1.664	108 (98,18%)	02 (1,82%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ

1.664

Tổng số TTHC

1.664


TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ
108 (98,18%)
Hồ sơ chưa đồng bộ
2 (1,82%)

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ
Phường 4	1.664	1.664	88 (84,62%)	16 (15,38%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH




100,0%

TTHC công khai đầy đủ: **1.664**

Tổng số TTHC: **1.664**

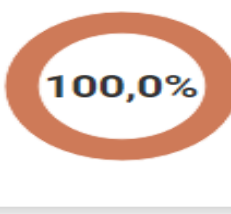
TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



- Hồ sơ đã đồng bộ: **88 (84,62%)**
- Hồ sơ chưa đồng bộ: **16 (15,38%)**

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ
Phường 2	1.664	1.664	195 (80,91%)	46 (19,09%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH




100,0%

TTHC công khai đầy đủ: **1.664**

Tổng số TTHC: **1.664**


TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



- Hồ sơ đã đồng bộ: **195 (80,91%)**
- Hồ sơ chưa đồng bộ: **46 (19,09%)**

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ
Phường 3	1.664	1.664	97 (65,99%)	50 (34,01%)


SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ: **1.664**

Tổng số TTHC: **1.664**

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ: **97 (65,99%)**

Hồ sơ chưa đồng bộ: **50 (34,01%)**

2. Chỉ số tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC gồm.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.1 Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Điểm được tính theo tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Thành phố, xã, phường trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Tháp và đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phố Sa Đéc đạt tỷ lệ **92,52%** hồ sơ xử lý đúng hạn, trong hạn và tỷ lệ **7,48** hồ sơ xử lý quá hạn, đạt **18,4 / 20 điểm**, xếp **hạng 05 / 12** huyện, thành phố.



Ảnh: Điểm trung bình và kết quả xử lý hồ sơ theo tháng của Thành phố

2.2/ Tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ đúng hạn/ Trong hạn	Điểm đạt được
01	UBND thành phố Cao Lãnh	96,55%	19,3 / 20
02	UBND huyện Cao Lãnh	94,42%	18,7 / 20
03	UBND huyện Thanh Bình	94,15%	18,7 / 20
04	UBND thành phố Hồng Ngự	93,13%	18,5 / 20
05	UBND thành phố Sa Đéc	92,78%	18,4 / 20
06	UBND huyện Lấp Vò	91,99%	18,1 / 20
07	UBND huyện Tháp Mười	91,98%	18,1 / 20
08	UBND huyện Tam Nông	91,74%	18,1 / 20
09	UBND huyện Lai Vung	90,35%	17,7 / 20
10	UBND huyện Tân Hồng	88,34%	17,3 / 20
11	UBND huyện Hồng Ngự	88,08%	17,3 / 20
12	UBND huyện Châu Thành	83,01%	16,2 / 20

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC

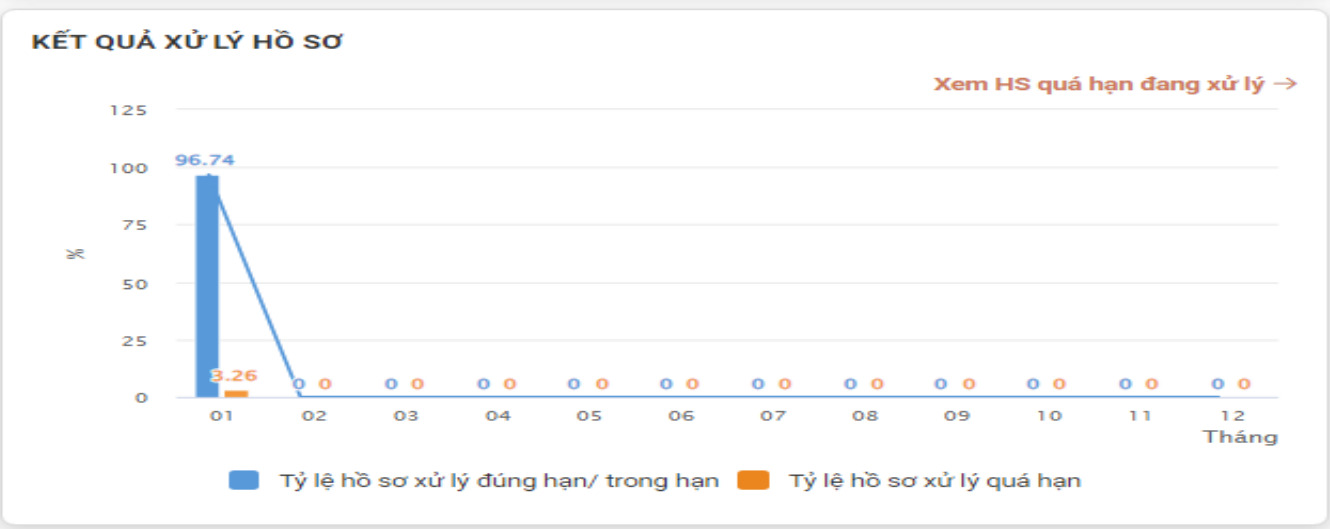


Ảnh: Tỷ lệ % tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các huyện, thành phố.

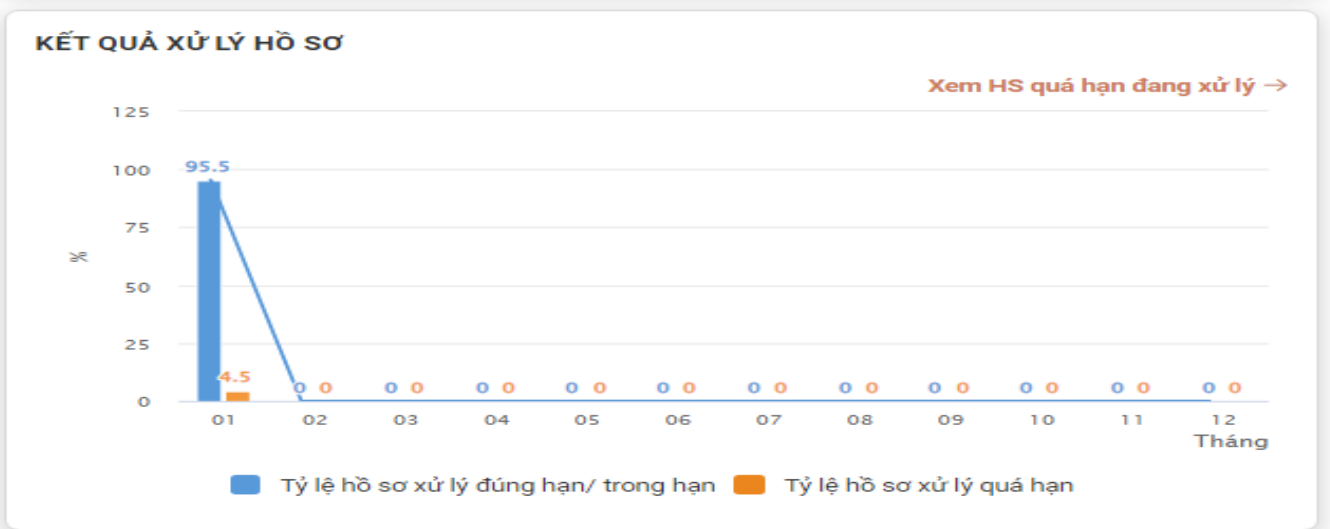
2.3/ Tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các xã, phường:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ đúng hạn/ Trong hạn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn	Điểm đạt được																																							
01	UBND phường 3	99,02%	0,98%	19,8 / 20																																							
<p>KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ</p> <p>Xem HS quá hạn đang xử lý →</p> <p>The chart displays the percentage of cases processed on time (blue bars) and over time (orange bars) for UBND phường 3. The y-axis represents the percentage (%), ranging from 0 to 125. The x-axis represents the months (Tháng) from 01 to 12. The data points are: 01: 99.02% (on time), 0.98% (over time); 02-12: 0% (on time), 0% (over time).</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tháng</th> <th>Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)</th> <th>Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>01</td><td>99.02</td><td>0.98</td></tr> <tr><td>02</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>03</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>04</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>05</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>06</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>07</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>08</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>09</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>10</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>11</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>12</td><td>0</td><td>0</td></tr> </tbody> </table>					Tháng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)	01	99.02	0.98	02	0	0	03	0	0	04	0	0	05	0	0	06	0	0	07	0	0	08	0	0	09	0	0	10	0	0	11	0	0	12	0	0
Tháng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)																																									
01	99.02	0.98																																									
02	0	0																																									
03	0	0																																									
04	0	0																																									
05	0	0																																									
06	0	0																																									
07	0	0																																									
08	0	0																																									
09	0	0																																									
10	0	0																																									
11	0	0																																									
12	0	0																																									
02	UBND phường 1	98,77%	1,23%	19,7 / 20																																							
<p>KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ</p> <p>Xem HS quá hạn đang xử lý →</p> <p>The chart displays the percentage of cases processed on time (blue bars) and over time (orange bars) for UBND phường 1. The y-axis represents the percentage (%), ranging from 0 to 125. The x-axis represents the months (Tháng) from 01 to 12. The data points are: 01: 98.77% (on time), 1.23% (over time); 02-12: 0% (on time), 0% (over time).</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tháng</th> <th>Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)</th> <th>Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>01</td><td>98.77</td><td>1.23</td></tr> <tr><td>02</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>03</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>04</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>05</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>06</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>07</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>08</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>09</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>10</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>11</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>12</td><td>0</td><td>0</td></tr> </tbody> </table>					Tháng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)	01	98.77	1.23	02	0	0	03	0	0	04	0	0	05	0	0	06	0	0	07	0	0	08	0	0	09	0	0	10	0	0	11	0	0	12	0	0
Tháng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)																																									
01	98.77	1.23																																									
02	0	0																																									
03	0	0																																									
04	0	0																																									
05	0	0																																									
06	0	0																																									
07	0	0																																									
08	0	0																																									
09	0	0																																									
10	0	0																																									
11	0	0																																									
12	0	0																																									
03	UBND phường An Hòa	96,97%	3,03%	19,4 / 20																																							
<p>KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ</p> <p>Xem HS quá hạn đang xử lý →</p> <p>The chart displays the percentage of cases processed on time (blue bars) and over time (orange bars) for UBND phường An Hòa. The y-axis represents the percentage (%), ranging from 0 to 125. The x-axis represents the months (Tháng) from 01 to 12. The data points are: 01: 96.97% (on time), 3.03% (over time); 02-12: 0% (on time), 0% (over time).</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tháng</th> <th>Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)</th> <th>Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>01</td><td>96.97</td><td>3.03</td></tr> <tr><td>02</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>03</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>04</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>05</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>06</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>07</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>08</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>09</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>10</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>11</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>12</td><td>0</td><td>0</td></tr> </tbody> </table>					Tháng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)	01	96.97	3.03	02	0	0	03	0	0	04	0	0	05	0	0	06	0	0	07	0	0	08	0	0	09	0	0	10	0	0	11	0	0	12	0	0
Tháng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn/ trong hạn (%)	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn (%)																																									
01	96.97	3.03																																									
02	0	0																																									
03	0	0																																									
04	0	0																																									
05	0	0																																									
06	0	0																																									
07	0	0																																									
08	0	0																																									
09	0	0																																									
10	0	0																																									
11	0	0																																									
12	0	0																																									

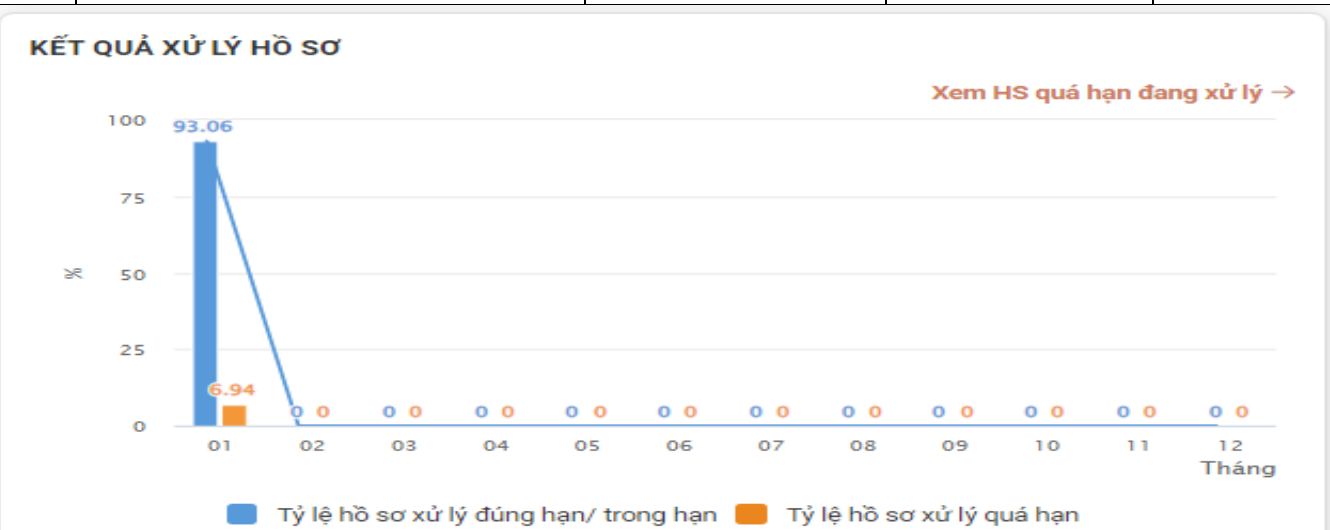
04	UBND phường 4	96,74%	3,26%	19,3 / 20
----	---------------	--------	-------	-----------



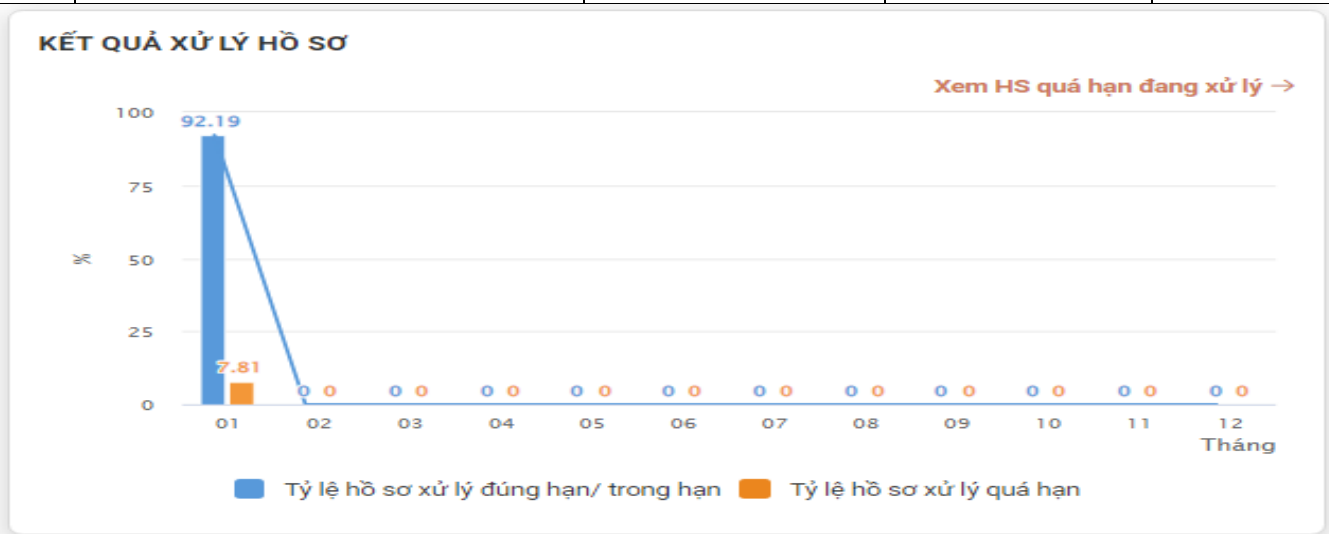
05	UBND phường Tân Quy Đông	95,5%	4,5%	19,1 / 20
----	--------------------------	-------	------	-----------



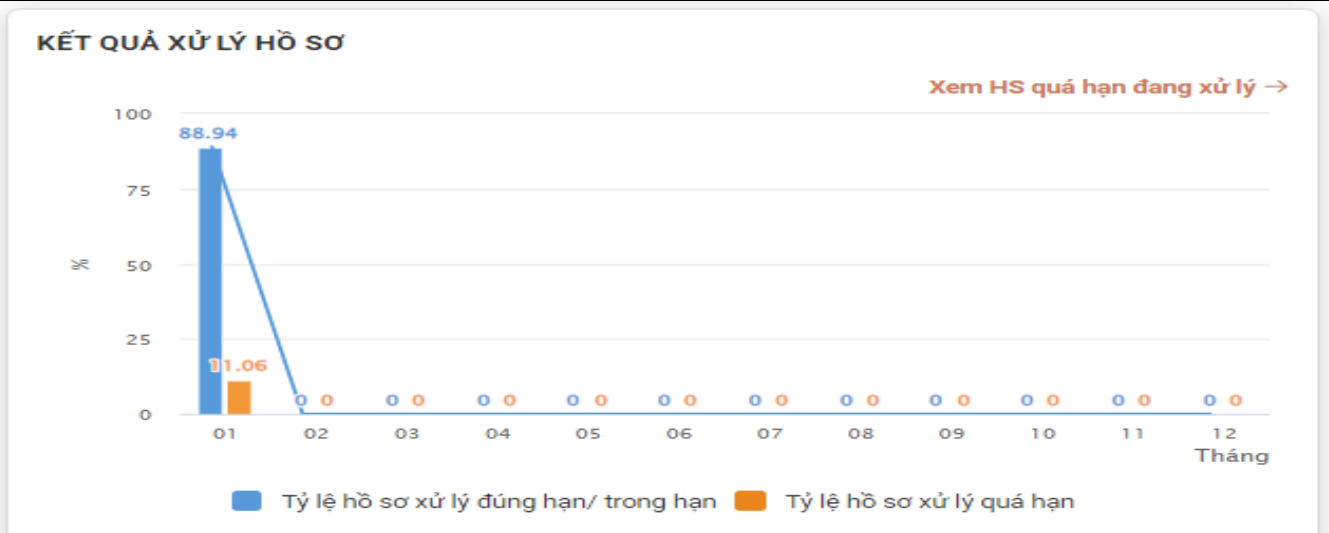
06	UBND xã Tân Quy Tây	93,06%	6,94%	18,6 / 20
----	---------------------	--------	-------	-----------



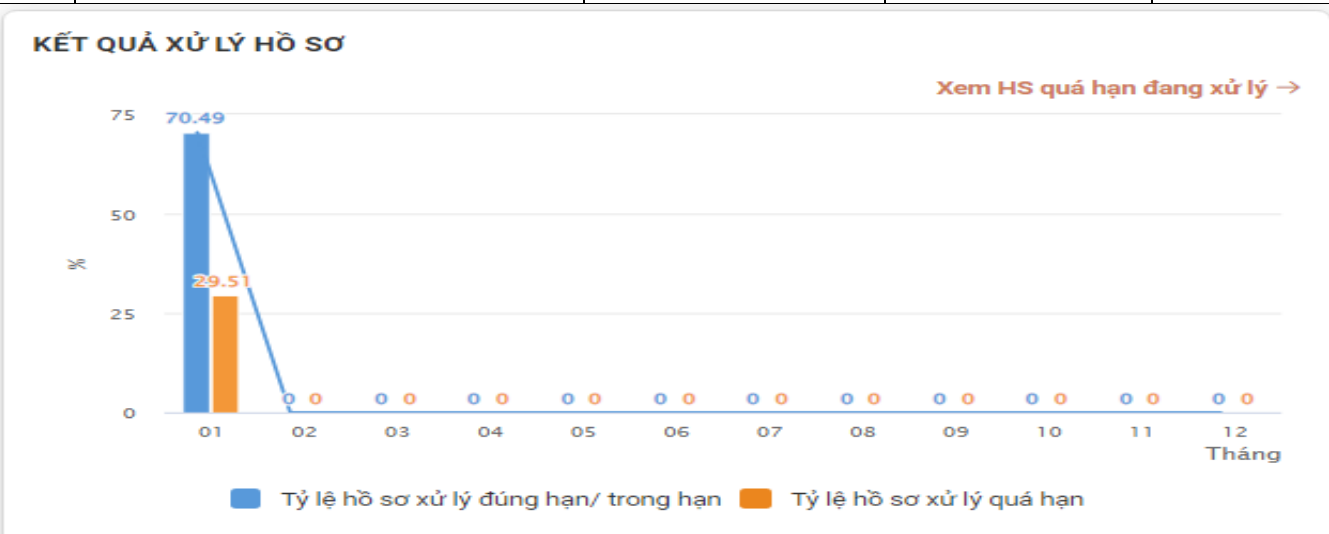
07	UBND xã Tân Khánh Đông	92,19%	7,81%	18,4 / 20
-----------	-------------------------------	--------	-------	-----------



08	UBND phường 2	88,94%	11,06%	17,8 / 20
-----------	----------------------	--------	--------	-----------



09	UBND xã Tân Phú Đông	70,49%	29,51%	13,9 / 20
-----------	-----------------------------	--------	--------	-----------





Ảnh: Tỷ lệ % tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các xã, phường.

2.4/ Danh sách hồ sơ quá hạn xử lý quá hạn trên dịch vụ công:

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ sơ quá hạn	Mã số hồ sơ
01	UBND Thành phố	H20.27	23 hồ sơ	H20.27-240123-0001
				H20.27-240111-0005
				H20.27-240111-0003
				H20.27-240111-0008
				H20.27-240111-0004
				H20.27-240108-0002
				H20.27-231228-0005
				H20.27-231226-0002
				H20.27-231219-0021
				H20.27-231207-0007
				H20.27-231129-0002
				H20.27-231120-0009

				H20.27-231117-0016
				H20.27-231109-0002
				H20.27-231106-0020
				H20.27-231026-0038
				H20.27-231023-0009
				H20.27-231023-0006
				H20.27-231020-0009
				H20.27-231012-0027
				H20.27-231003-0006
				H20.27-231002-0003
02	UBND xã Tân Phú Đông	H20.27.22	09 hồ sơ	G22.99-240126-0108852
				G22.99-240126-0108849
				G22.99-240126-0108864
				G22.99-240126-0108860
				H20.27.22-240123-0030
				H20.27.22-240118-0009
				H20.27.22-240110-0018
				H20.27.22-240110-0017
				H20.27.22-231025-0005
03	UBND xã Tân Khánh Đông	H20.27.21	08 hồ sơ	H20.27.21-240125-0003
				H20.27.21-240109-0023
				H20.27.21-240109-0020
				H20.27.21-240109-0033
				H20.27.21-240108-0037

				H20.27.21-240108-0075
				H20.27.21-231228-0005
				H20.27.21-231228-0003
04	UBND phường 1	H20.27.15	07 hồ sơ	H20.27.15-240123-0012
				H20.27.15-240122-0052
				H20.27.15-240109-0044
				H20.27.15-240108-0072
				H20.27.15-240102-0037
				H20.27.15-231228-0019
				H20.27.15-231031-0062
05	UBND xã Tân Quy Tây	H20.27.23	05 hồ sơ	G22.99-240124-0103485
				G22.99-240122-0108716
				G22.99-240122-0108732
				G22.99-240122-0108777
				H20.27.23-230719-0035
06	UBND phường Tân Quy Đông	H20.27.20	03 hồ sơ	H20.27.20-240108-0070
				H20.27.20-231113-0033
				H20.27.20-231107-0077
07	UBND phường An Hòa	H20.27.19	03 hồ sơ	H20.27.19-240110-0032
				H20.27.19-231205-0142
				000.25.36.H20-230222-0010
Tổng cộng:				58 hồ sơ

UBND thành phố Sa Đéc - Tỉnh Đồng Tháp

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ xử lý quá hạn	Danh sách hồ sơ
1	UBND thành phố Sa Đéc - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27	23	 
2	UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.22	9	 
3	UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.21	8	 
4	UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.15	7	 
5	UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.23	5	 
6	UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.20	3	 
7	UBND Phường An Hoà - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.19	3	 

Hiện 7 trong 7 đơn vị

<< < 1 > >>

Số đơn vị trong 1 trang

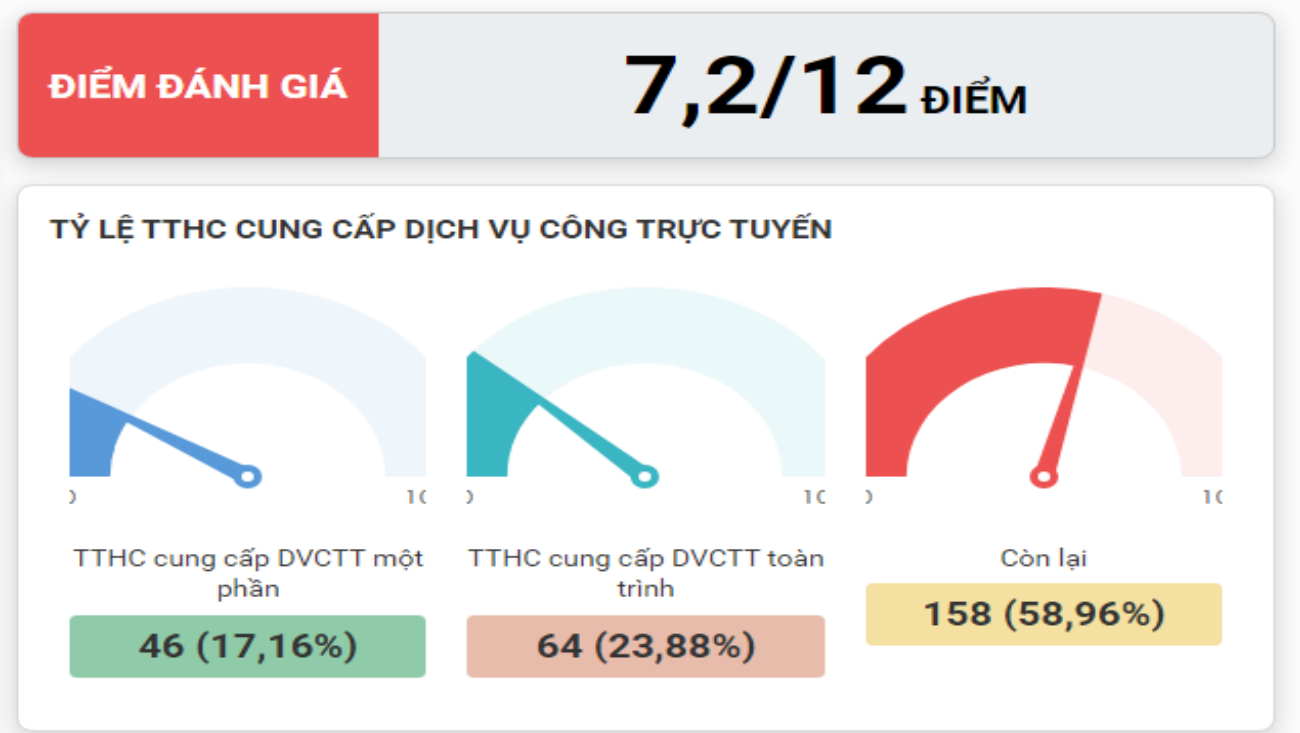
10

Ảnh: Số lượng hồ sơ treo trạng thái quá hạn trên cổng dịch vụ công.

3. Chỉ số Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thành phố Sa Đéc đạt tỷ lệ **59,7%** hồ sơ nộp trực tuyến, đạt **7,2 / 12 điểm**, xếp hạng **10 / 12** huyện, thành phố.

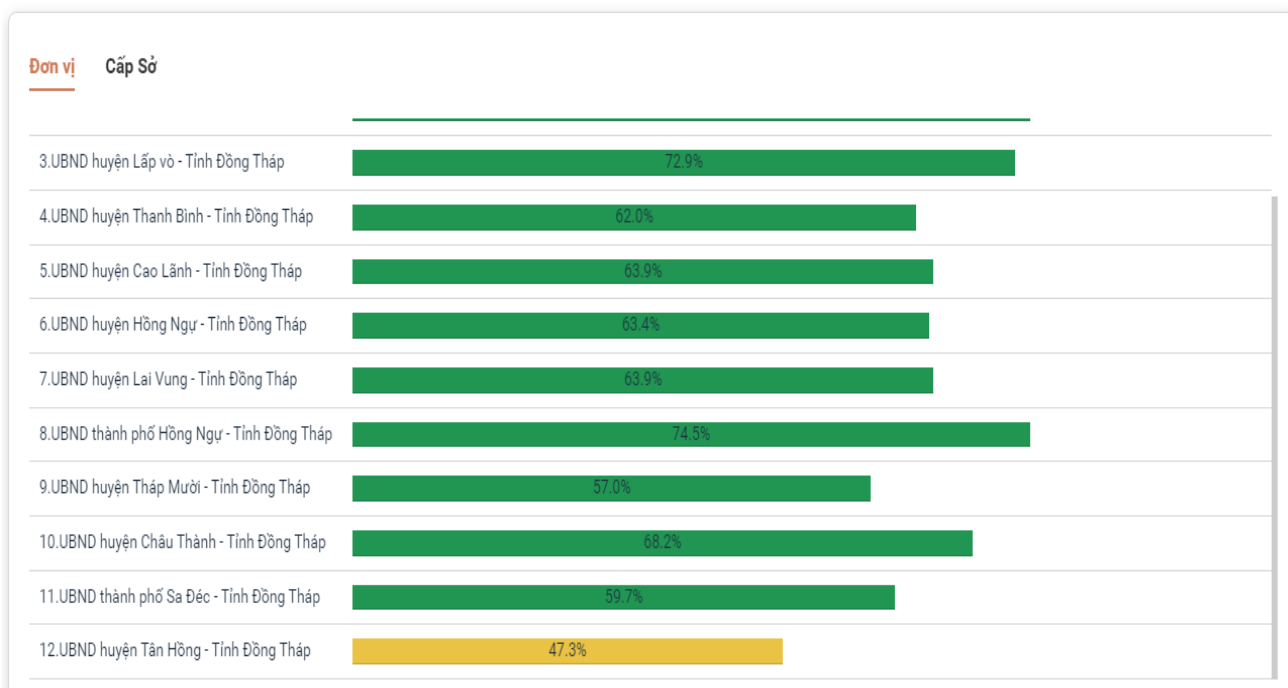


Ảnh: Điểm đánh giá cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3.1/ Tỷ lệ thực hiện của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm đạt được
01	UBND thành phố Cao Lãnh	84,2%	7,3 / 12
02	UBND huyện Tam Nông	74,6%	7,2 / 12
03	UBND thành phố Hồng Ngự	74,5%	
04	UBND huyện Lấp Vò	72,9%	
05	UBND huyện Châu Thành	68,2%	
06	UBND huyện Lai Vung	63,9%	
07	UBND huyện Cao Lãnh	63,9%	
08	UBND huyện Thanh Bình	62,0%	
09	UBND huyện Hồng Ngự	63,4%	
10	UBND thành phố Sa Đéc	59,7%	
11	UBND huyện Tháp Mười	57,0%	
12	UBND huyện Tân Hồng	47,3%	6,0 / 12

TỶ LỆ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN

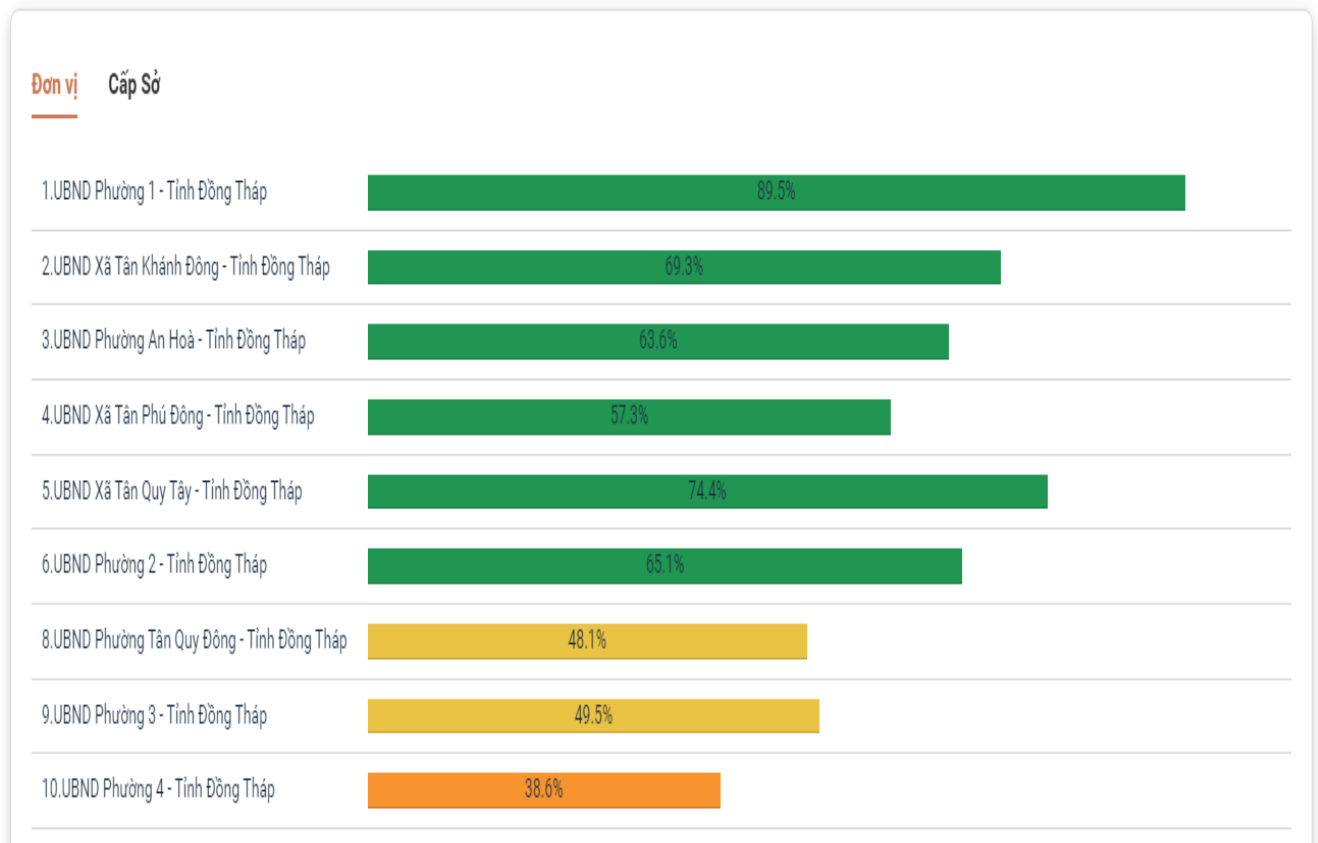


Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của các huyện, thành phố

3.2/ Tỷ lệ thực hiện của các xã, phường:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm đạt được
01	UBND phường 1	89,5%	7,2 / 12
02	UBND xã Tân Quy Tây	74,4%	
03	UBND xã Tân Khánh Đông	69,3%	
04	UBND phường 2	65,1%	
05	UBND phường An Hòa	63,6%	
06	UBND xã Tân Phú Đông	57,3%	
07	UBND phường 3	49,5%	
08	UBND phường Tân Quy Đông	48,1%	
09	UBND phường 4	38,6%	

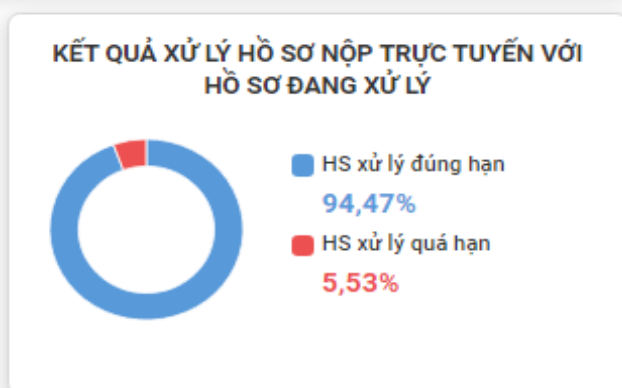
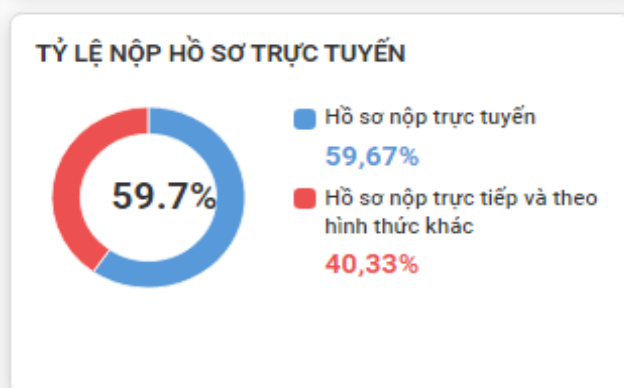
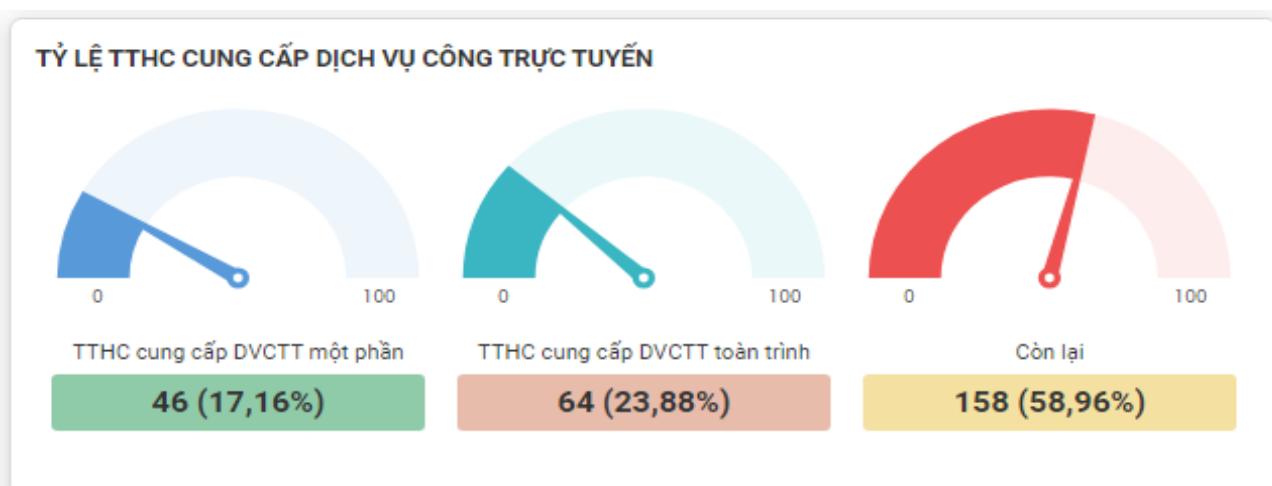
TỶ LỆ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN



Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của các xã, phường

3.3/ Số lượng giải quyết hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và số lượng TTHC, tỷ lệ trên từng TTHC cung cấp DVCTT một phần, toàn trình và TTHC còn lại của toàn Thành phố:

Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
59,67%	40,33%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
94,47%	5,53%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	46 thủ tục	17,16%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	64 thủ tục	23,88%
TTHC còn lại	158 thủ tục	58,96%



3.3/ Số lượng giải quyết hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và số lượng TTHC, tỷ lệ trên từng TTHC cung cấp DVCTT một phần, toàn trình và TTHC còn lại của các xã, phường:

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 1		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
89,54%	10,46%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
100%	0%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%
<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <div style="background-color: red; color: white; padding: 5px; font-weight: bold;">ĐIỂM ĐÁNH GIÁ</div> <div style="font-size: 2em; font-weight: bold;">7,2/12</div> <div>ĐIỂM</div> </div>		
TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		
<p>TTHC cung cấp DVCTT một phần 3 (1,86%)</p>	<p>TTHC cung cấp DVCTT toàn trình 4 (2,48%)</p>	<p>Còn lại 154 (95,65%)</p>
TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN		
<ul style="list-style-type: none"> ■ Hồ sơ nộp trực tuyến 89,54% ■ Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác 10,46% 		
KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ		
<ul style="list-style-type: none"> ■ HS xử lý đúng hạn 100% ■ HS xử lý quá hạn 0% 		

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN QUY TÂY**Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến**

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
74,42%	25,58%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
95,54%	4,46%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,2/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

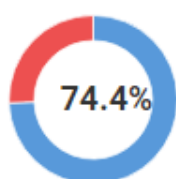
TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

4 (2,48%)

Còn lại

154 (95,65%)**TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN**

- Hồ sơ nộp trực tuyến **74,42%**
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác **25,58%**

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ

- HS xử lý đúng hạn **95,54%**
- HS xử lý quá hạn **4,46%**

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN KHÁNH ĐÔNG**Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến**

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
69,26%	30,74%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
93,94%	6,06%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,2/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

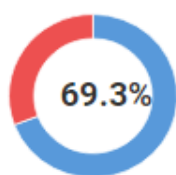
TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

4 (2,48%)

Còn lại

154 (95,65%)**TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN**

- Hồ sơ nộp trực tuyến **69,26%**
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác **30,74%**

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ

- HS xử lý đúng hạn **93,94%**
- HS xử lý quá hạn **6,06%**

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 2

Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
65,13%	34,87%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
88,14%	11,86%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

7,2/12 ĐIỂM

TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)



TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

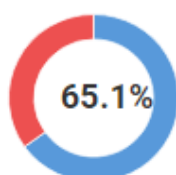
4 (2,48%)



Còn lại

154 (95,65%)

TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN



- Hồ sơ nộp trực tuyến
65,13%
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
34,87%

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ



- HS xử lý đúng hạn
88,14%
- HS xử lý quá hạn
11,86%

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HÒA**Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến**

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
63,61%	36,39%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
97,7%	2,3%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,2/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

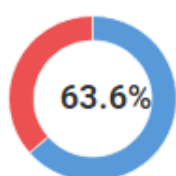
TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

4 (2,48%)

Còn lại

154 (95,65%)**TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN**

- Hồ sơ nộp trực tuyến **63,61%**
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác **36,39%**

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ

- HS xử lý đúng hạn **97,7%**
- HS xử lý quá hạn **2,3%**

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG**Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến**

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
57,33%	42,67%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
70,28%	29,72%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,2/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

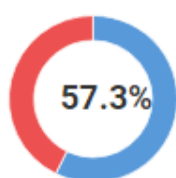
TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

4 (2,48%)

Còn lại

154 (95,65%)**TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN**

- Hồ sơ nộp trực tuyến **57,33%**
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác **42,67%**

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ

- HS xử lý đúng hạn **70,28%**
- HS xử lý quá hạn **29,72%**

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3**Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến**

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
49,48%	50,52%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
98,89%	1,11%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,2/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

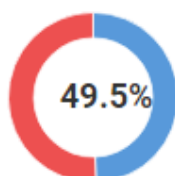
TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

4 (2,48%)

Còn lại

154 (95,65%)**TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN**

- Hồ sơ nộp trực tuyến **49,48%**
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác **50,52%**

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ

- HS xử lý đúng hạn **98,89%**
- HS xử lý quá hạn **1,11%**

ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 4**Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến**

Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác
38,64%	61,36%

Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý

Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn
96,43%	3,57%

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,86%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,48%
TTHC còn lại	154 thủ tục	95,65%

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,2/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

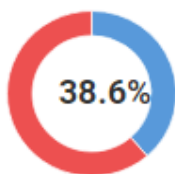
TTHC cung cấp DVCTT một phần

3 (1,86%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

4 (2,48%)

Còn lại

154 (95,65%)**TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN**

- Hồ sơ nộp trực tuyến**
38,64%
- Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác**
61,36%

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN VỚI HỒ SƠ ĐANG XỬ LÝ

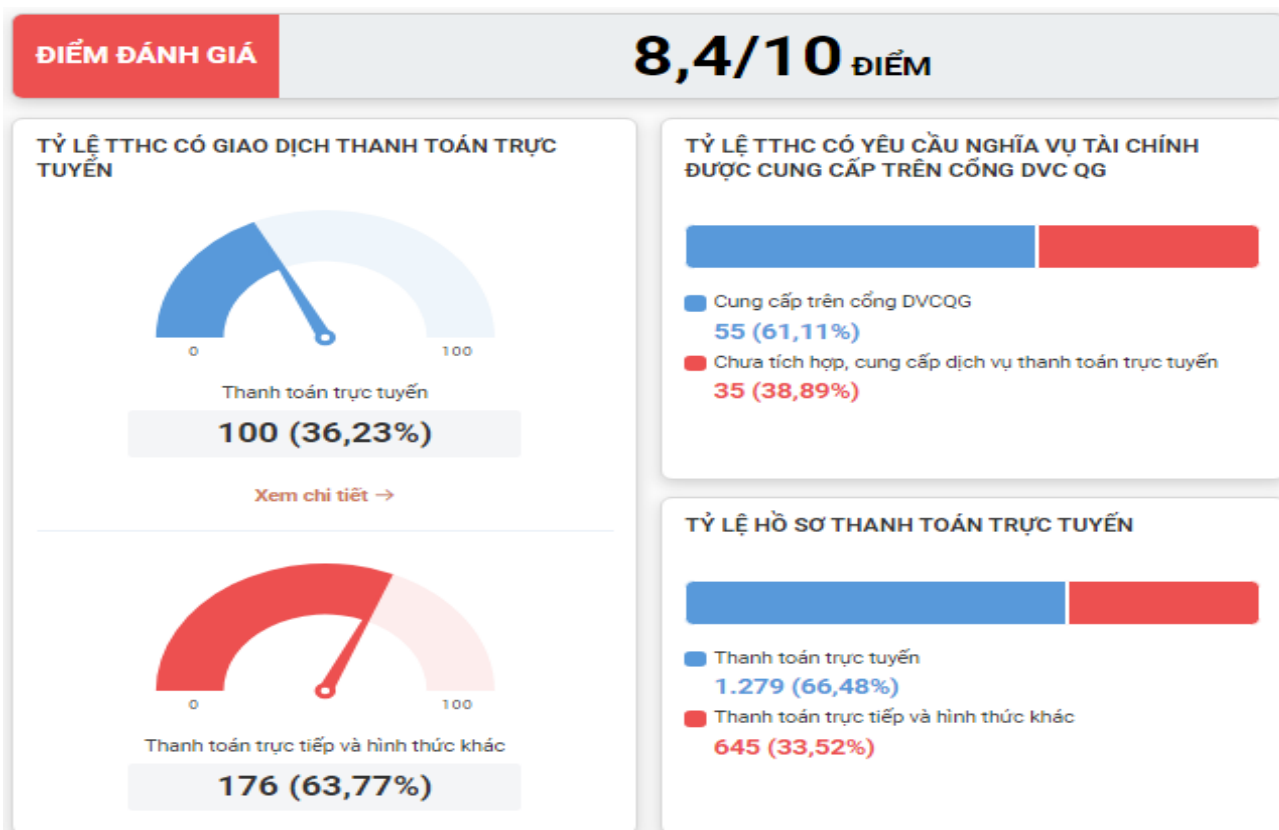
- HS xử lý đúng hạn**
96,43%
- HS xử lý quá hạn**
3,57%

4. Chỉ số Thanh toán trực tuyến

Nhóm các tiêu chí gồm.

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.
- Thành phố Sa Đéc trong tháng 01 năm 2024 đạt **8,4 / 10 điểm**, tỷ lệ **63,89%**; xếp hạng **10 / 12** huyện, thành phố. Bao gồm các lĩnh vực như sau:

Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp Trên Cổng dịch vụ công quốc gia	
Cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Chưa tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến
55 thủ tục (61,11%)	35 thủ tục (38,89%)
Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	
Thanh toán trực tuyến	Thanh toán trực tiếp và hình thức khác
1.279 hồ sơ (66,48%)	645 hồ sơ (33,52%)

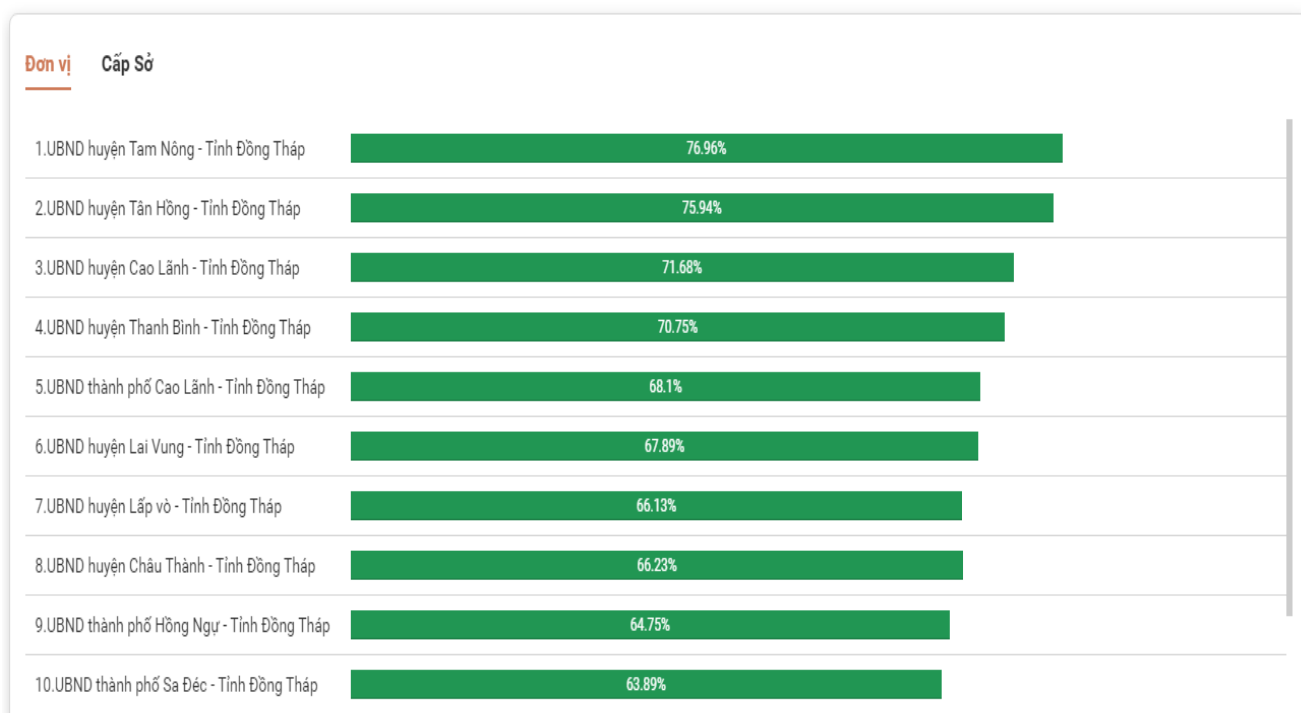


Ảnh: Điểm đánh giá của Thành phố trên Cổng dịch vụ công.

4.1/ Tỷ lệ % chỉ số thanh toán trực tuyến của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ
01	UBND huyện Tam Nông	76,96%
02	UBND huyện Tân Hồng	75,94%
03	UBND huyện Cao Lãnh	71,68%
04	UBND huyện Thanh Bình	70,75%
05	UBND thành phố Cao Lãnh	68,1%
06	UBND huyện Lai Vung	67,89%
07	UBND huyện Châu Thành	66,23%
08	UBND huyện Lấp Vò	66,13%
09	UBND thành phố Hồng Ngự	64,75%
10	UBND thành phố Sa Đéc	63,89%
11	UBND huyện Tháp Mười	53,31%
12	UBND huyện Hồng Ngự	40,53%

TỶ LỆ HỒ SƠ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

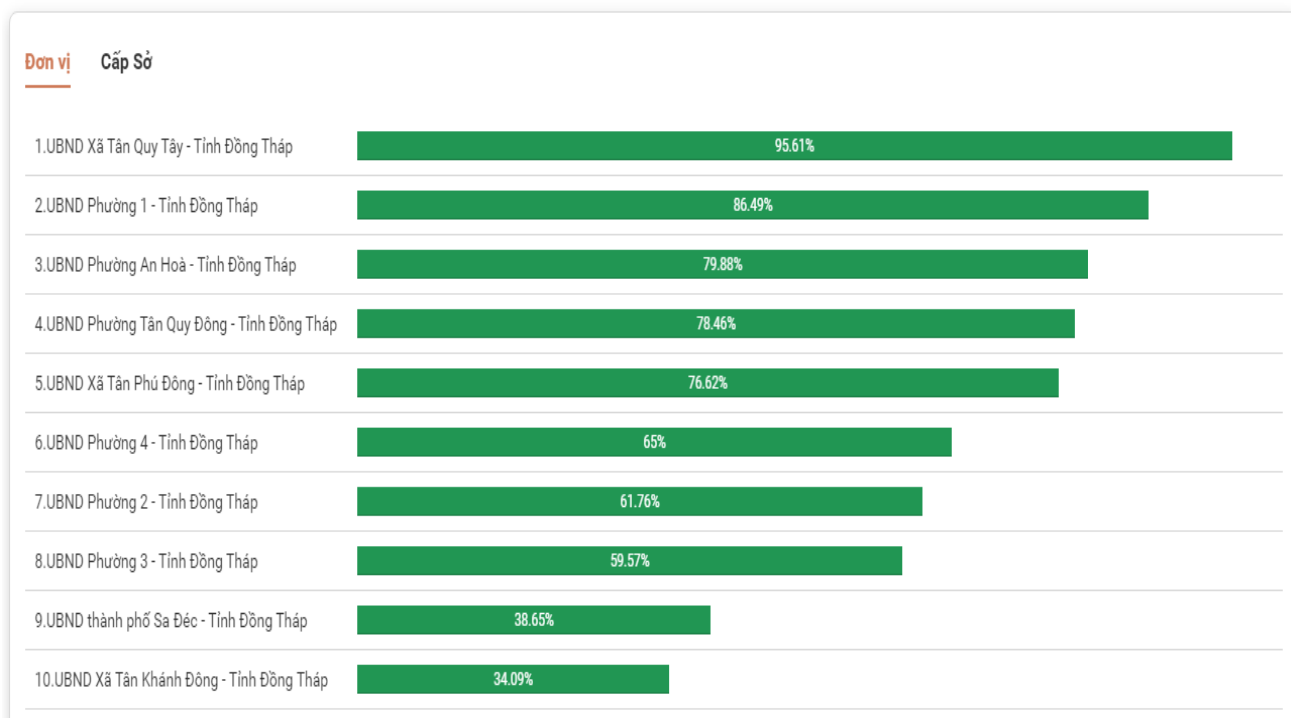


Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến của các huyện, thành phố.

4.2/ Tỷ lệ % chỉ số thanh toán trực tuyến của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, phòng Tư pháp Thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ
01	UBND xã Tân Quy Tây	95,61%
02	UBND phường 1	86,49%
03	UBND phường An Hòa	79,88%
04	UBND phường Tân Quy Đông	78,46%
05	UBND xã Tân Phú Đông	76,62%
06	UBND phường 4	65%
07	UBND phường 2	61,76%
08	UBND phường 3	59,57%
09	Bộ phận TN và TKQ Thành phố và phòng Tư pháp Thành phố	38,65%
10	UBND xã Tân Khánh Đông	34,09%

TỶ LỆ HỒ SƠ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN



Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp và phòng Tư pháp Thành phố.

4.3/ Phát sinh hồ sơ thanh toán trực tuyến:

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Số hồ sơ thanh toán trực tuyến
01	2.000815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	368
02	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch	325
03	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	304
04	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	83
05	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (<i>Hộ kinh doanh</i>)	62
06	1.009994	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (<i>Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án</i>) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	33
07	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	32
08	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	Chứng thực	25
09	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (<i>Hộ kinh doanh</i>)	16
10	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	8
11	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	6
12	2.000843	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	4
13	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (<i>Hộ kinh doanh</i>)	3
14	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ	2
15	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	2

16	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	1
17	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	1
18	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	1
19	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (<i>Áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được</i>)	Chứng thực	1
20	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	1
21	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (<i>Liên hiệp hợp tác xã</i>)	1
Tổng cộng:				1.279 hồ sơ

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nhóm các tiêu chí gồm:

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị.
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.
- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại.
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị theo địa bàn hành chính.

5.2 Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

- Mức độ hài lòng của người dân tại thành phố Sa Đéc đạt tỷ lệ **100%**, đạt **18 / 18 điểm, đứng thứ 05 / 12 huyện, thành phố**. Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt **100%**; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, đạt **100%**; tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn đạt tỷ lệ **100%**.



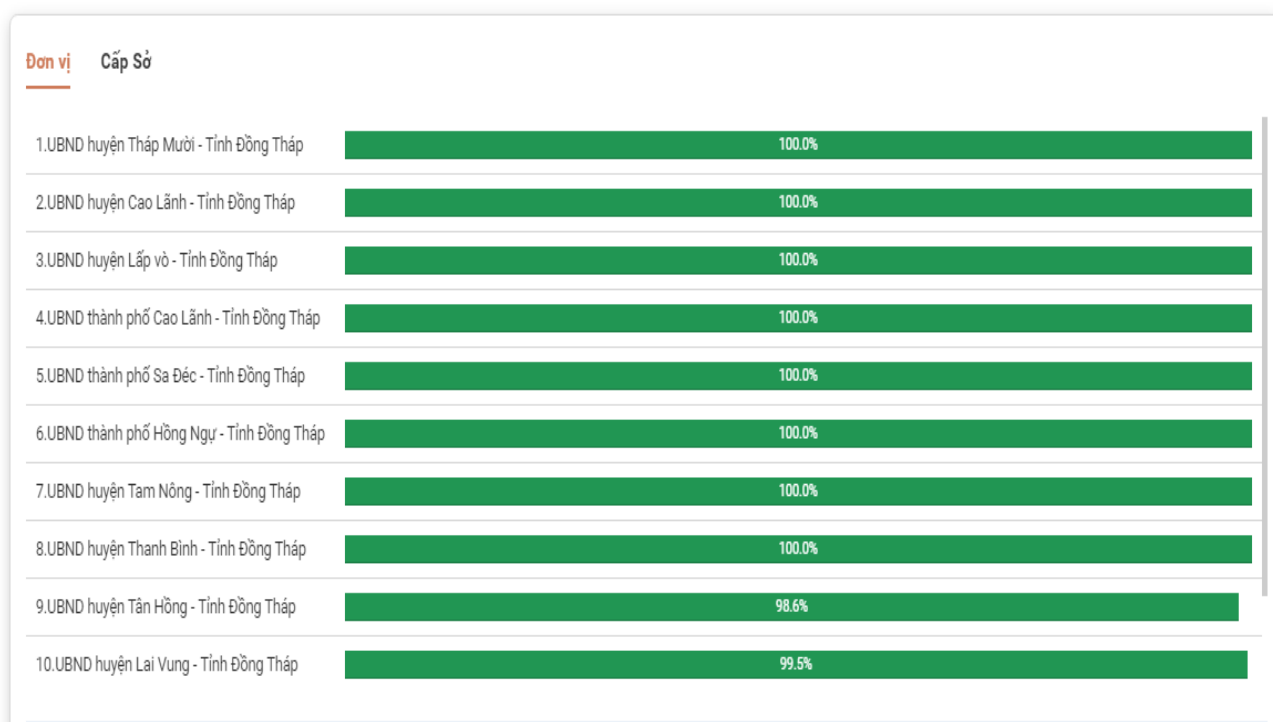
Ảnh: Điểm đánh giá chỉ số mức độ hài lòng.

5.3/ Tỷ lệ mức độ hài lòng của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND huyện Tháp Mười	100%	18 / 18
02	UBND huyện Cao Lãnh	100%	18 / 18
03	UBND huyện Lấp vò	100%	18 / 18
04	UBND thành phố Cao Lãnh	100%	18 / 18
05	UBND thành phố Sa Đéc	100%	18 / 18
06	UBND thành phố Hồng Ngự	100%	18 / 18
07	UBND huyện Tam Nông	100%	18 / 18
08	UBND huyện Thanh Bình	100%	18 / 18
09	UBND huyện Lai Vung	99,5%	17,9 / 18
10	UBND huyện Hồng Ngự	98,8%	17,8 / 18
11	UBND huyện Tân Hồng	98,6%	17,8 / 18
12	UBND huyện Châu Thành	96,7%	17,4 / 18

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG

X



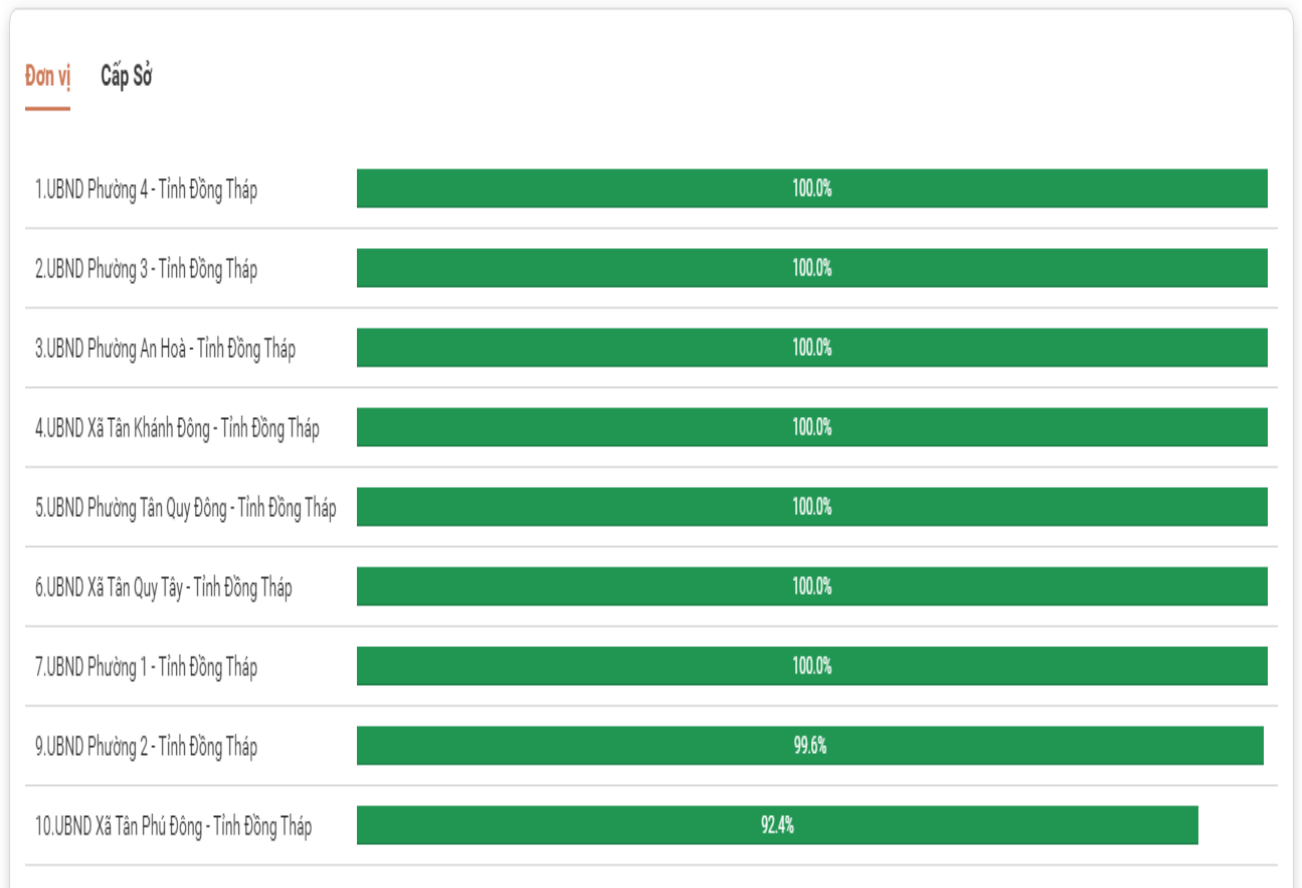
Ảnh: Tỷ lệ mức độ hài lòng của các huyện, thành phố.

5.4/ Tỷ lệ mức độ hài lòng của các xã, phường:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND phường 4	100%	18 / 18
02	UBND phường 3	100%	18 / 18
03	UBND phường An Hoà	100%	18 / 18
04	UBND xã Tân Khánh Đông	100%	18 / 18
05	UBND phường Tân Quy Đông	100%	18 / 18
06	UBND xã Tân Quy Tây	100%	18 / 18
07	UBND phường 1	100%	18 / 18
08	UBND phường 2	99,6%	17,9 / 18
09	UBND xã Tân Phú Đông	92,4%	16,6 / 18











MỨC ĐỘ HÀI LÒNG

X



Ảnh: Tỷ lệ mức độ hài lòng của các xã, phường.

TỶ LỆ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ XỬ LÝ ĐÚNG HẠN

Tỉnh, thành phố	Số lượng PAKN	Xử lý đúng hạn (PAKN)	Tỷ lệ đúng hạn
1. UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
2. UBND Phường 2 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
3. UBND Phường 3 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
4. UBND Phường 4 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
5. UBND thành phố Sa Đéc - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
6. UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
7. UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
8. UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
9. UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%
10. UBND Phường An Hoà - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	 100,00%

Ảnh: Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn của các xã, phường.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ.

6.1. Nhóm các tiêu chí gồm.

- Tỷ lệ hồ sơ kết quả điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Số lượng tài khoản công dịch vụ công quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Số liệu cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.

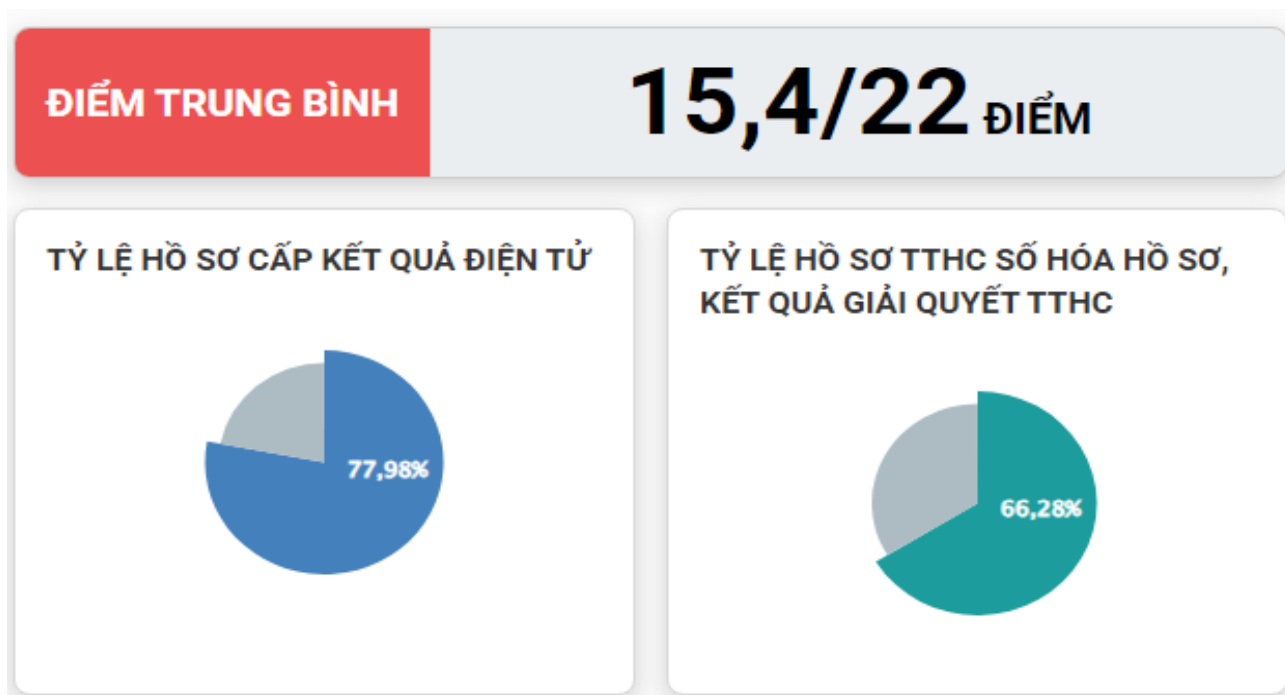
6.2. Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ trong tháng 01 năm 2024 đạt **70,1%**, đạt **15,4 / 22 điểm, xếp hạng 08 / 12** so với các số điểm của các huyện, thành phố.

- Thành phố Sa Đéc trong tháng 01 năm 2024 có phát sinh **664 hồ sơ** chứng thực điện tử bản sao từ bản chính đạt tại **10/10** đơn vị (*Phòng Tư pháp, phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường An Hòa, phường Tân Quy Đông, xã Tân Phú Đông, xã Tân Quy Tây, xã Tân Khánh Đông*).

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử và tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:

STT	Tên thực hiện	Tỷ lệ
01	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử	77,98%
02	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	66,28%

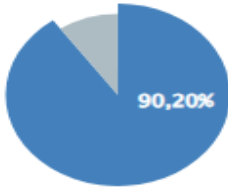
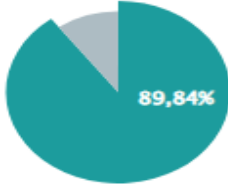
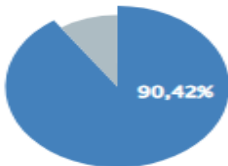
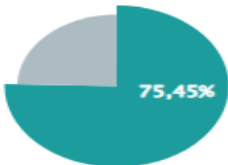


Ảnh: Tỷ lệ và điểm số hóa hồ sơ của Thành phố.

5.3/ Tỷ lệ thực hiện của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND huyện Tam Nông	79,0%	17,4 / 22
02	UBND huyện Lập Vò	77,2%	17,0 / 22
03	UBND thành phố Cao Lãnh	76,3%	16,8 / 22
04	UBND thành phố Hồng Ngự	74,1%	16,3 / 22
05	UBND huyện Cao Lãnh	71,8%	15,8 / 22
06	UBND huyện Châu Thành	71,8%	15,8 / 22
07	UBND huyện Lai Vung	70,9%	15,6 / 22

5.4/ Tỷ lệ thực hiện của các xã, phường:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND phường 1	78,2%	17,2 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		90,20%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		89,84%	
ĐIỂM TRUNG BÌNH		17,2/22 ĐIỂM	
TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ 		TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC 	
02	UBND xã Tân Quy Tây	77,0%	16,9 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		90,42%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		75,45%	
ĐIỂM TRUNG BÌNH		16,9/22 ĐIỂM	
TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ 		TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC 	

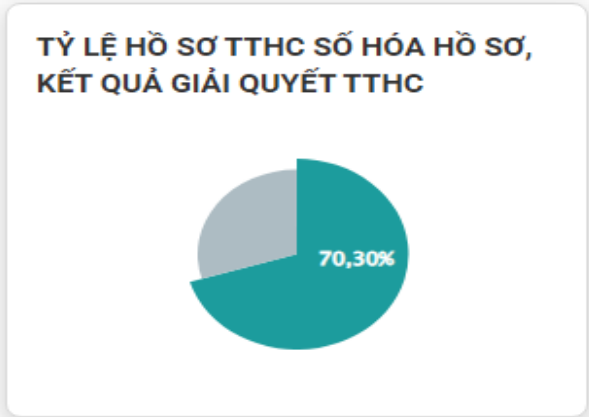
03	UBND phường An Hòa	71,3%	15,7 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		83,55%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		63,82%	

ĐIỂM TRUNG BÌNH **15,7/22** ĐIỂM



04	UBND xã Tân Khánh Đông	70,0%	15,4 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		77,23%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		70,30%	

ĐIỂM TRUNG BÌNH **15,4/22** ĐIỂM

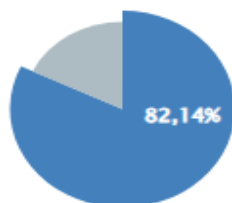


05	UBND xã Tân Phú Đông	69,3%	15,2 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		82,14%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		57,59%	

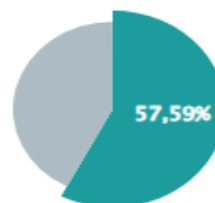
ĐIỂM TRUNG BÌNH

15,2/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC

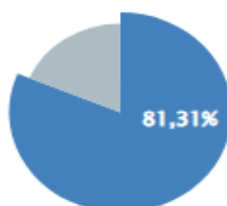


06	UBND phường Tân Quy Đông	66,3%	14,6 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		81,31%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		47,66%	

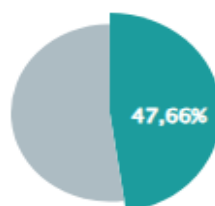
ĐIỂM TRUNG BÌNH

14,6/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



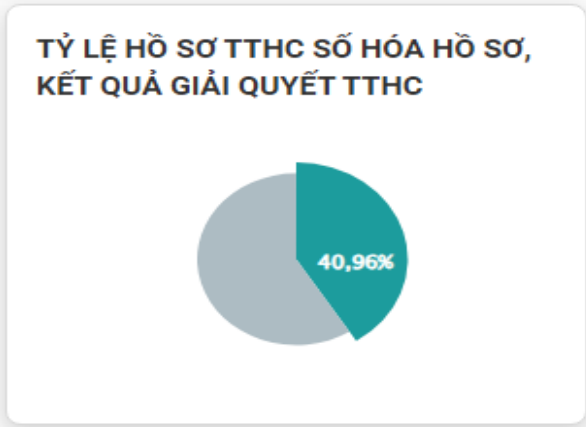
07	UBND phường 2	66,3%	14,6 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		71,79%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		65,13%	

ĐIỂM TRUNG BÌNH **14,6/22 ĐIỂM**



08	UBND phường 4	65,8%	14,5 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		83,13%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		40,96%	

ĐIỂM TRUNG BÌNH **14,5/22 ĐIỂM**



09	UBND phường 3	56,0%	12,3 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		58,33%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		50,00%	
ĐIỂM TRUNG BÌNH		12,3/22 ĐIỂM	
TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ		TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC	

5.5/ Chứng thực điện tử bản sao từ bản chính:

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ chứng thực bản sao điện tử
01	Phòng Tư pháp	01 hồ sơ

Thống kê số lượng hồ sơ
 Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:
đến ngày:

Thủ tục hành chính:
Giấy tờ chứng thực:

Mã định danh:
Đối tượng:

THỐNG KÊ
XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	Phòng Tư Pháp - Tỉnh Đồng Tháp	0	1	0	0	0	1

02	UBND phường 1	61 hồ sơ
-----------	----------------------	-----------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/01/2024

đến ngày:

31/01/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.15

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	61	0	0	61

03	UBND phường 2	47 hồ sơ
-----------	----------------------	-----------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/01/2024

đến ngày:

31/01/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.16

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường 2 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	47	0	0	47

04	UBND phường 3	26 hồ sơ
-----------	----------------------	-----------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/01/2024

đến ngày:

31/01/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.17

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường 3 - Tỉnh Đồng Tháp	5	21	0	0	0	26

05	UBND phường 4	48 hồ sơ
-----------	----------------------	-----------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/01/2024

đến ngày:

31/01/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.18

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường 4 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	48	0	0	48

06	UBND phường An Hòa	135 hồ sơ
-----------	---------------------------	------------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

Thủ tục hành chính: Giấy tờ chứng thực:

Mã định danh: Đối tượng:

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường An Hoà - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	135	0	0	135

07	UBND phường Tân Quy Đông	42 hồ sơ
-----------	---------------------------------	-----------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

Thủ tục hành chính: Giấy tờ chứng thực:

Mã định danh: Đối tượng:

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	42	0	0	42

08	UBND xã Tân Khánh Đông	177 hồ sơ
-----------	-------------------------------	------------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày: đến ngày:

Thủ tục hành chính: Giấy tờ chứng thực:

Mã định danh: Đối tượng:

THỐNG KÊ **XUẤT FILE**

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	2	175	0	0	177

09	UBND xã Tân Phú Đông	77 hồ sơ
-----------	-----------------------------	-----------------

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày: đến ngày:

Thủ tục hành chính: Giấy tờ chứng thực:

Mã định danh: Đối tượng:

THỐNG KÊ **XUẤT FILE**

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	77	0	0	77

10	UBND xã Tân Quy Tây	50 hồ sơ																					
<input checked="" type="radio"/> Thống kê số lượng hồ sơ <input type="radio"/> Thống kê đặt lịch hẹn																							
Từ ngày:	đến ngày:																						
<input type="text" value="01/01/2024"/>	<input type="text" value="31/01/2024"/>																						
Thủ tục hành chính:	Giấy tờ chứng thực:																						
<input type="text" value="- Tất cả -"/>	<input type="text" value="- Tất cả -"/>																						
Mã định danh:	Đối tượng:																						
<input type="text" value="H20.27.23"/>	<input type="text" value="- Tất cả -"/>																						
<input type="button" value="THỐNG KÊ"/> <input type="button" value="XUẤT FILE"/>																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Tên đơn vị</th> <th colspan="5">Số lượng hồ sơ theo trạng thái</th> <th rowspan="2">Tổng số</th> </tr> <tr> <th>Chờ ký</th> <th>Chờ đóng dấu</th> <th>Hoàn thành</th> <th>Hủy</th> <th>Từ chối</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>50</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>50</td> </tr> </tbody> </table>			STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số	Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	1	UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	50	0	0	50
STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số																
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối																	
1	UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	50	0	0	50																
Tổng cộng:		664 hồ sơ																					

III. NGUYÊN NHÂN THỰC HIỆN CHƯA ĐẢM BẢO CÁC CHỈ SỐ.

1. Chỉ số Công khai minh bạch.

Trong tháng, đã niêm yết công khai các Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Giáo dục và Lâm nghiệp² tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp, trên Trang Thông tin điện tử Thành phố và xã, phường.

2. Chỉ số Tiến độ giải quyết.

- Số lượng hồ sơ TTHC thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại mục xem hồ sơ quá hạn đang xử lý.

- Một số hồ sơ đã hoàn thành giải quyết và đã trả kết quả nhưng hệ thống chưa đồng bộ trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh vẫn hiện thị hồ sơ bị quá hạn. Nhóm thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí thường xuyên không thực hiện được, phần mềm bị lỗi khi nhập vào bị treo không xử lý được cũng như tiến trình xử lý ở các bước đã hoàn

² Quyết định số 59/QĐ-UBND-HC ngày 23 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Quyết định số 61/QĐ-UBND-HC ngày 23 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

thành nhưng Bảo hiểm xã hội không nhận được hồ sơ để thực hiện bước tiếp theo dẫn đến quá hạn trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính ở 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông.

3. Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến.

Công tác tuyên truyền nhằm tạo sự nhận thức về lợi ích của người dân khi sử dụng Dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế, chưa thực sự huy động các cá nhân, tổ chức tham gia nên một số đơn vị chưa đạt được chỉ tiêu theo yêu cầu đề ra. Một số thủ tục hành chính trong tháng không có phát sinh hồ sơ.

4. Chỉ số Thanh toán trực tuyến.

Việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến chưa hiệu quả. Các TTHC về thanh toán trực tuyến hiện nay vẫn còn một số TTHC chưa đồng bộ, một số thủ tục đã lên toàn trình mà công dịch vụ công chưa đồng bộ với phần mềm một cửa, nên còn 01 vài thủ tục chưa thanh toán trực tuyến được.

5. Chỉ số Mức độ hài lòng.

Hồ sơ tiếp nhận tại Một cửa Thành phố liên quan đến đất đai rất nhiều mà đa số là thuộc thẩm quyền của cấp Tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhưng trong quá trình giải quyết hồ sơ quá hạn, trễ hạn thì người dân trực tiếp đánh giá mức độ hài lòng tại Thành phố. Vì vậy, chưa đảm bảo phản ánh thật sự mức độ hài lòng của các cá nhân, tổ chức đối với giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Thành phố.

6. Chỉ số về Số hóa hồ sơ.

Trong quá trình thực hiện số hóa số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, số hóa hồ sơ còn hiệu lực các ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường chưa có sự tập trung quyết liệt trong việc triển khai thực hiện. Hiện nay, do nhu cầu các giao dịch của người dân, doanh nghiệp nộp chứng thực bản sao trực tiếp. Vì vậy, bản sao điện tử từ bản chính chưa nhiều và phần lớn người dân chưa có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, cũng như chưa thấy rõ lợi ích của việc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính để chủ động yêu cầu thực hiện chứng thực bản sao điện tử.

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC, NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ.

1. Chỉ số Công khai minh bạch.

Giao các phòng, ban chuyên môn Thành phố phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố cũng như Ủy ban nhân dân các xã, phường thường xuyên cập nhật, thực hiện công khai, niêm yết đầy đủ số lượng, nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trên bảng niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, trên Trang Thông tin điện tử Thành phố và xã, phường theo quy định. Đồng thời, loại bỏ các thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hết hiệu lực. Việc cập nhật, công khai, niêm yết các thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên và chậm nhất sau **05 ngày** kể từ khi Quyết định công bố của Tỉnh có hiệu lực.

2. Chỉ số Tiên độ giải quyết.

UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các ngành Thành phố, UBND các xã, phường quán triệt đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ, luân chuyển kịp thời hồ sơ TTHC (*Không để hồ sơ TTHC quá hạn trong quy trình giải quyết nội bộ*) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, hạn chế các trường hợp hồ sơ TTHC yêu cầu bổ sung, xin rút hồ sơ, không đủ điều kiện giải quyết hồ sơ, từ chối giải quyết, quá hạn, hoàn thành trễ hạn.

3. Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến.

- UBND Thành phố đã chỉ đạo các ngành chuyên môn Thành phố hỗ trợ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố, Bộ phận Một cửa các xã, phường tăng cường công tác tuyên truyền về tiếp nhận và giải quyết TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ Bru chính công ích cho tổ chức, công dân để nâng cao số lượng thực hiện TTHC và dịch vụ Bru chính công ích đạt chỉ tiêu theo quy định.

- Giao phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân về dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật, phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi tình hình thực hiện việc số hóa hồ sơ, số hóa hồ sơ còn hiệu lực của các phòng, ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

- Chỉ đạo phòng Văn hoá - Thông tin chủ trì phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố, UBND các xã, phường thực hiện thanh toán thu phí, lệ phí trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ công dân thanh toán phí, lệ phí khi thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, phòng Văn hoá - Thông tin theo dõi tình hình thực của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện. Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết, ban hành các Công văn chỉ đạo để thực hiện tốt, có hiệu quả Chỉ số thanh toán trực tuyến trong thời gian tới.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng.

- Yêu cầu các ngành Thành phố, UBND các xã, phường quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt niềm yết tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và việc giải quyết TTHC, đảm bảo ngày càng nhanh chóng và hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu của mọi tổ chức và công dân trên địa bàn Thành phố.

- Chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố sau khi tiếp nhận những phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia,

Tổng đài 1022, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết nhanh chóng các phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Tổng đài 1022 đảm bảo trọng tâm, trọng điểm và đúng quy định nhằm nâng cao Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của thành phố Sa Đéc.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ.

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành Thành phố, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai, thực hiện số hoá hồ sơ, số hóa hồ sơ còn hiệu lực, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, tuyên truyền, phổ biến tới người dân về lợi ích mang lại của chứng thực bản sao điện tử từ bản chính có thể sử dụng nhiều lần, nộp cho nhiều bộ hồ sơ trực tuyến khác nhau, tiết kiệm chi phí nhiều hơn so với chứng thực bản sao trực tiếp.

- Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phối hợp cùng với phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố tăng cường công tác hướng dẫn triển khai, theo dõi, kiểm tra tình hình số hóa hồ sơ, số hóa hồ sơ còn hiệu lực, kết quả giải quyết TTHC bảo đảm chỉ tiêu theo quy định. Kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phê bình Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính.

Trên đây là Báo cáo kết quả đánh giá Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Sa Đéc trong tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (B/c);
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- CT, P.CT UBND Thành phố;
- Các ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử các xã, phường;
- Lãnh đạo VP. HĐND và UBND Thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT + MC, Cường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hon